TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-01-2022
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí
Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1079/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thanh H, sinh năm 1963

Thường trú: Phòng 511, chung cư A5 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay: Số 1628/106, tổ 1, khu phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1958

Thường trú: Phòng 511, chung cư A5 đường Nguyễn Ái Quốc, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay: Số 1628/106, tổ 1, khu phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông K vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ - Nguyên đơn bà Cao Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Nguyễn Đình K chung sống với nhau năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thể, đến nay mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể kéo dài nên bà H xin được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà H và ông K có 02 con chung là Nguyễn Cao N, sinh ngày 29/6/1990 và Nguyễn Cao V, sinh ngày 30/6/1997. Khi ly hôn, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Nguyễn Đình K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chấp hành không đúng. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Cao Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

- Về con chung: Bà H và ông K có 02 con chung là Nguyễn Cao N, sinh ngày 29/6/1990 và Nguyễn Cao V, sinh ngày 30/6/1997. Khi ly hôn, các con đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà H khai, bà và ông K tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông K về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

- Về án phí: Bà Cao Thanh H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Cao Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Đình K; Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ

pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn". Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà H là nguyên đơn, ông K là bị đơn trong vụ án.

- Theo Đơn xác nhận tạm trú thì Công an phường T xác nhận hiện nay ông Nguyễn Đình K có đăng ký tạm trú và đang sinh sống tại địa chỉ số 1628/106, tổ 1, khu phố 10, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Do đó, căn cứ các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Ngày 29/12/2021, bà Cao Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân thành phố B tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là ông Nguyễn Đình K để tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông K vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà H và ông K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Nguyễn Đình K chung sống với nhau năm 1986, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Do đó, cần căn cứ theo Điều 4, 6 và 11 Luật Hôn nhân và gia đình 1959, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm, yêu tH, chăm sóc lẫn nhau, ông bà đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không thể. Xét yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo biên bản xác minh ngày 23/12/2021 tại Ủy ban nhân dân phường T thể hiện về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông K thì địa pH không rõ do các đương sự không trình báo, nhưng Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông K để hòa giải đoàn tụ nhưng ông K đều vắng mặt không lý do, không có động thái tích cực để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng. Như vậy, thể hiện việc mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà H và ông K là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông K.

[3] Về con chung: Bà H và ông K có 02 con chung là Nguyễn Cao N, sinh ngày 29/6/1990 và Nguyễn Cao V, sinh ngày 30/6/1997. Khi ly hôn, các con đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà H khai, bà và ông K tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông K về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Cao Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các 4, 6 và 11 Luật Hôn nhân và gia đình 1959;

- Áp dụng Điều 19, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thanh H, bà Cao Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Đình K.

Về con chung: Bà H và ông K có 02 con chung là Nguyễn Cao N, sinh ngày 29/6/1990 và Nguyễn Cao V, sinh ngày 30/6/1997. Khi ly hôn, các con đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà H khai, bà và ông K tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của ông K về tài sản chung và nợ chung nên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Cao Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001154 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà H đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Cao Thanh H và ông Nguyễn Đình K vắng mặt nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND phường Q;
- Lưu.

Nguyễn Thị Hoàng Phương